

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của 05 lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: Đào tạo; Y tế - Dân số; Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và Du lịch; Tư pháp; Nội vụ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ;

Xét Tờ trình số 6717/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

1. Phụ lục I: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực đào tạo.

2. Phụ lục II: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

3. Phụ lục III: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

4. Phụ lục IV: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tư pháp.

5. Phụ lục V: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Căn cứ Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 1 Nghị quyết này và khả năng ngân sách, quyết định hoặc giao cho cơ quan trực thuộc lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tình hình thực tế thực hiện danh mục trong từng giai đoạn, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, VH.TT&DL, GD&ĐT, Y tế; Bộ Nội vụ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT, HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

PHỤ LỤC I

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1	Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
---	---

rk

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC Y TẾ - DÂN SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HDND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu
1.1	Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng
1.2	Dịch vụ tiêm chủng đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế phòng bệnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
1.3	Dịch vụ tiêm chủng đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đến vùng có dịch
1.4	Các dịch vụ phục vụ công tác giám sát, điều tra, xác minh dịch
1.5	Các dịch vụ xử lý y tế (thực hiện các biện pháp sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, cách ly y tế, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh và các biện pháp y tế khác) để cắt đứt nguồn lây tại khu vực nơi có người bệnh hoặc ổ dịch truyền nhiễm
1.6	Quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú
1.7	Các dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện về vệ sinh lao động; môi trường làm việc của người lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp; phòng chống tai nạn thương tích, xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường
1.8	Các dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng
1.9	Các dịch vụ về khám, theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ em và phụ nữ mang thai; chăm sóc sức khỏe ban đầu: tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi trẻ em
2	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng
2.1	Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập.
2.2	Khám và điều trị người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B đang lưu trú tại vùng có dịch bệnh, người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ.
2.3	Cấp cứu, điều trị người bị thiên tai, thảm họa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2.4	Khám và điều trị ARV cho người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.
2.5	Khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại giam, trại tạm giam.
2.6	- Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone cho một số đối tượng theo quy định của pháp luật.
2.7	Khám và điều trị bệnh lao theo quy định của pháp luật.
2.8	Các dịch vụ khám, chữa bệnh trường hợp chưa tính đủ chi phí để thực hiện dịch vụ, nhà nước phải bảo đảm các chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.
2.9	Dịch vụ vận chuyển cấp cứu ngoài bệnh viện

rlk

3	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định
3.1	Các dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế (bao gồm cả chi phí mua, vận chuyển, bảo quản mẫu) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước (thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa).
3.2	Dịch vụ kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm; xét nghiệm an toàn thực phẩm
3.3	Các dịch vụ phục vụ phòng chống rối loạn thiếu hụt IOD; Phòng chống rối loạn dinh dưỡng và thiếu vitamin A ở trẻ em
3.4	Các dịch vụ hoạt động phòng chống mù lòa
4	Dịch vụ giám định
4.1	Các dịch vụ giám định y khoa.
4.2	Các dịch vụ giám định pháp y
5	Dịch vụ y tế khác
5.1	Các dịch vụ phục vụ công tác phòng, chống các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh tật học đường.
5.2	Cung cấp dinh dưỡng và thực phẩm cho một số đối tượng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
5.3	Các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, cung cấp các phương tiện tránh thai cho một số đối tượng theo quy định.
5.4	Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân cho một số đối tượng có nguy cơ theo quy định của Bộ Y tế.
5.5	Các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cho một số đối tượng theo quy định của cấp có thẩm quyền.
5.6	Dịch vụ truyền thông, giáo dục sức khỏe về: phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh chưa rõ nguyên nhân; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; nâng cao sức khỏe; dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và các yếu tố có hại đến sức khỏe và môi trường sống; sức khỏe trường học và phòng, chống bệnh tật học đường.
5.7	Các dịch vụ truyền thông, giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức của người dân về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, giảm tỷ lệ người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn.
5.8	Các dịch vụ về chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới.
5.9	Các dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC VĂN HÓA, GIA ĐÌNH, THỂ DỤC, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1	Dịch vụ văn hoá
1.1	Tổ chức chương trình nghệ thuật phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn; ngày sinh của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí lãnh đạo tiên bối tiêu biểu; năm mất của các danh nhân đã được Đảng, Nhà nước công nhận; phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại ở trong nước và quốc tế.
1.2	Hỗ trợ đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ dân gian trên địa bàn được cử tham gia các sự kiện văn hóa ngoài tỉnh, khu vực và toàn quốc.
1.3	Bảo tồn, phục dựng, dân dựng và tổ chức cuộc thi, liên hoan, biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, truyền thống, tiêu biểu, đặc thù.
1.4	Sưu tầm, nghiên cứu, tổ chức dân dựng, biểu diễn các tác phẩm thuộc thể loại nhạc vũ kịch và giao hưởng.
1.5	Sưu tầm, bảo tồn, truyền dạy, phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian, truyền thống, tiêu biểu và đặc thù của các dân tộc Việt Nam.
1.6	Phát động, tổ chức sáng tác tác phẩm tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, tác phẩm nghệ thuật tham gia các cuộc thi, liên hoan, hội thi, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc.
1.7	Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; tuyên truyền lưu động, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị.
1.8	Tổ chức triển lãm, thi, liên hoan tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị.
1.9	Hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nghiên cứu, bảo quản, trưng bày, giáo dục, truyền thông của bảo tàng công lập.
1.10	Bảo vệ, kiểm kê, lập hồ sơ xếp hạng, sưu tầm, nghiên cứu, bảo quản và phát huy giá trị di tích.
1.11	Tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích đã được kiểm kê, xếp hạng.
1.12	Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.
1.13	Thăm dò, khai quật khảo cổ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học.
1.14	Thăm dò, khai quật khảo cổ phục vụ dự án cải tạo, xây dựng công trình, khảo cổ học dưới nước.
1.15	Giám định tài liệu, di vật, cổ vật phục vụ công tác quản lý và các hoạt động của bảo tàng.
1.16	Tổ chức hoạt động giám định tài liệu, di vật, cổ vật theo đề nghị hoặc đơn đặt hàng của cá nhân, tổ chức phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước.
1.17	Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, số hóa, biên dịch và phát huy giá trị di sản tư liệu.
1.18	Xây dựng cơ sở dữ liệu, bộ máy tra cứu, lập báo cáo các loại dữ liệu về di tích và bảo tồn di tích.
1.19	Lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.
1.20	Kiểm kê, đăng ký, lập hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.
1.21	Tổ chức các chương trình văn hóa nghệ thuật, ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

1.22	Bảo tồn, phục dựng, tái hiện và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc: sưu tầm, bảo quản, trưng bày giới thiệu các tài liệu, hiện vật văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc Việt Nam.
1.23	Bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.
1.24	Tham gia các sự kiện, hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.
1.25	Hỗ trợ chi phí sinh hoạt hằng ngày cho đồng bào các dân tộc được mời tham gia hoạt động tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.
1.26	Hỗ trợ các hoạt động sáng tác của văn nghệ sỹ nhằm khuyến khích các tài năng sáng tạo, góp phần hình thành các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật tại các trại sáng tác phục vụ nhiệm vụ chính trị.
1.27	Hỗ trợ hoạt động sáng tạo và phổ biến, phát hành tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, tác phẩm báo chí chất lượng cao ở trung ương và địa phương.
1.28	Xây dựng, xử lý, bảo quản tài nguyên thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin tại thư viện công lập.
1.29	Cung cấp tài nguyên thông tin tại thư viện và phục vụ lưu động ngoài thư viện, phục vụ người khuyết tật.
1.30	Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và dịch vụ hỗ trợ học tập, nghiên cứu.
1.31	Tổ chức sự kiện, biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tư liệu thư viện phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn trong nước và quốc tế.
1.32	Tổ chức dịch vụ thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn
1.33	Sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.
1.34	Hỗ trợ thông tin theo yêu cầu phục vụ nghiên cứu, quản lý chuyên biệt; tổ chức các sự kiện văn hóa phục vụ học tập suốt đời và các hoạt động phát triển văn hóa đọc.
1.35	Phát triển thư viện số, tài nguyên thông tin dùng chung, tài nguyên thông tin mở, liên thông thư viện trong nước và nước ngoài.
1.36	Giám định, thông tin, truyền thông về quyền tác giả, quyền liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước.
1.37	Chuyển giao, khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước.
1.38	Sản xuất phim phục vụ trẻ em, lực lượng vũ trang, đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn: sản xuất phim tài liệu, phóng sự chuyên đề và quay tư liệu các sự kiện lớn của đất nước.
1.39	Tổ chức liên hoan phim; giải thưởng và cuộc thi phim quốc tế.
1.40	Tổ chức tuần phim và các sự kiện quảng bá điện ảnh trong nước và quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị.
1.41	Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị.
1.42	Lưu trữ, bảo quản khai thác tư liệu, hình ảnh động quốc gia.

1.43	Lưu trữ, bảo quản khai thác các bối cảnh lớn của trường quay quốc gia, cung cấp dịch vụ làm phim lịch sử.
1.44	Nghiên cứu, sưu tầm, cập nhật, phổ biến thông tin về trang thiết bị, công nghệ chuyên ngành điện ảnh, cung cấp dịch vụ, kỹ thuật điện ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác đối ngoại và quản lý.
2	Dịch vụ gia đình
2.1	Tổ chức các sự kiện của Việt Nam và quốc tế liên quan đến lĩnh vực gia đình.
2.2	Hỗ trợ các hoạt động của các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình.
2.3	Cung cấp các sản phẩm truyền thông về giáo dục đời sống, đạo đức, lối sống trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình.
3	Dịch vụ thể dục thể thao
3.1	Tổ chức các đại hội thể thao, các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai.
3.2	Thực hiện giám định khoa học đánh giá trình độ tập luyện thể thao cho vận động viên thể thao thành tích cao.
3.3	Phòng, chống doping trong hoạt động thể thao.
3.4	Khám, chữa bệnh, điều trị chấn thương cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn và thi đấu (ngoài danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Y tế chủ trì).
3.5	Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao.
3.6	Bảo đảm điều kiện tập luyện thể dục, thể thao cho các đối tượng chính sách tại thiết chế thể thao cơ sở.
3.7	Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, thể thao đặc thù.
3.8	Hướng dẫn phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục, thể thao.
3.9	Hướng dẫn chế độ dinh dưỡng đặc thù trong tập luyện thể dục, thể thao (đối với lực lượng vũ trang là dịch vụ thiết yếu).
4	Dịch vụ du lịch
4.1	Phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và địa phương
4.2	Tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch quy mô liên vùng, liên quốc gia
4.3	Xúc tiến, quảng bá du lịch ở trong nước và ngoài nước.
4.4	Bảo vệ, tôn tạo, phát triển giá trị tài nguyên du lịch.
4.5	Tổ chức thông tin hỗ trợ khách du lịch và phát triển du lịch cộng đồng.
4.6	Tổ chức khảo sát, thu thập dữ liệu, tài liệu, điều tra tài nguyên du lịch, thị trường du lịch.
5	Dịch vụ khác
5.1	Đào tạo nguồn nhân lực tài năng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể thao ở trong nước và nước ngoài.
5.2	Đào tạo nhân lực các ngành hiếm, chuyên sâu, chất lượng cao, khó tuyển và truyền thống, đặc thù thuộc các trình độ trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.
5.3	Tổ chức hội thi tài năng học sinh, sinh viên trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.
5.4	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy sư phạm chuyên ngành đối với giảng viên, giáo viên, huấn luyện viên trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

plh

5.5	Đào tạo nhân lực chuyên sâu, chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch, thể thao.
5.6	Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.
5.7	Nghiên cứu các chương trình, đề tài, dự án, đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (cấp quốc gia, cấp bộ và cơ sở) các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.
5.8	Các chương trình, dự án, nhiệm vụ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.
5.9	Nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.
5.10	Quảng bá về văn hóa, gia đình, thể thao Việt Nam ở nước ngoài.
5.11	Tổ chức ngày, tuần, năm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam.
5.12	Tổ chức sự kiện văn hóa đối ngoại ở trong và ngoài nước.
5.13	Xuất bản, công bố sản phẩm, ấn phẩm thuộc các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch phục vụ nhiệm vụ chính trị.
5.14	Tổ chức vận chuyển ấn phẩm văn hóa đi nước ngoài theo phương thức trợ cước.
5.15	Xây dựng, duy trì hoạt động, cung cấp thông tin của hệ thống thông tin và truyền thông quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1	Dịch vụ cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp luật
1.1	Tiếp nhận, cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật cho các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.
1.2	Tiếp nhận, cung cấp thông tin thi hành án dân sự, thi hành án hành chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.
1.3	Hỗ trợ người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ trong thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường và các dịch vụ hỗ trợ pháp luật thuộc lĩnh vực khác do Bộ Tư pháp quản lý nhà nước.
2	Dịch vụ lý lịch tư pháp
2.1	Dịch vụ Lập lý lịch tư pháp, cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với Công dân Việt Nam, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam, cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức khác theo quy định.
2.2	Tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định
2.3	Cung cấp lý lịch tư pháp và thông tin bổ sung giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.
3	Dịch vụ đăng ký giao dịch, tài sản
3.1	Dịch vụ cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm

PHỤ LỤC V
DANH MỤC DỊCH VỤ SỬ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC NỘI VỤ

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1	Dịch vụ lưu trữ
1.1	Dịch vụ thu thập tài liệu lưu trữ phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam của lưu trữ lịch sử
1.2	Dịch vụ bảo quản tài liệu lưu trữ phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử
1.3	Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị
1.4	Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhu cầu xã hội

phl